

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /BC-UBND

Bù Đóp, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Thiện Hưng, huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách các xã phấn đấu về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; huyện phấn đấu về đích nông thôn mới năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 24/8/2020 của Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND huyện Bù Đóp về thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 303/VPĐP ngày 11/09/2023 của Văn phòng Điều phối CT MTQG xây dựng NTM tỉnh về việc hướng dẫn tổ chức đánh giá thực hiện các tiêu chí/ chỉ tiêu để hoàn thiện hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã NTM nâng cao năm 2023, huyện đạt chuẩn NTM năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 16/09/2023 của UBND huyện về việc Thành lập Đoàn thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Bù Đóp;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Thiện Hưng tại Tờ trình số 69a/TTr-UBND ngày 15/12/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Thiện Hưng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Thiện Hưng, UBND huyện Bù Đốp báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Thiện Hưng, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 22/12/2023 đến ngày 11/01/2024).

1. Về hồ sơ

- Tờ trình số 69a/TTr-UBND ngày 15/12/2023 của UBND xã Thiện Hưng về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Thiện Hưng đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023;
- Báo cáo số 126b/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Thiện Hưng về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp tỉnh Bình Phước;
- Báo cáo số 126a/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Thiện Hưng về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp tỉnh Bình Phước;
- Báo cáo số 126c/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Thiện Hưng về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2023 trên địa bàn xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Huyện ủy, HĐND hằng năm giao chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình NTM. UBND huyện, BCĐ huyện xây dựng kế hoạch, lộ trình giải pháp thực hiện chương trình hằng năm và năm 2023 trên địa bàn huyện, riêng cho xã Thiện Hưng; phân công các thành viên BCĐ huyện phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, tiêu chí ngành phụ trách. Thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu; yêu cầu chủ đầu tư, đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

BQL xây dựng NTM xã xây dựng Kế hoạch lộ trình, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí NTM và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí xã Thiện Hưng.

UBND huyện, BCD chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, thành viên BCD huyện ưu tiên dồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã Thiện Hưng về đích năm 2023.

3. Xã Thiện Hưng đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

Quyết định số 3295/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước v/v công nhận xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

Hoàn thành 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch: Đạt.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch: Đạt.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Trong giai đoạn 2011-2020, UBND xã đã có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 26/8/2013. Quy chế quản lý quy hoạch NTM, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 8/9/2014. Tổ chức Công bố Quy hoạch NTM, quy chế quản lý quy hoạch xây dựng.

Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 6/6/2022 của UBND huyện về xây dựng xã Thiện Hưng đạt tiêu chí Đô thị loại V.

Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 6/6/2022 UBND huyện Bù Đốp về việc Thành lập Ban chỉ đạo huyện xây dựng xã Thiện Hưng đạt tiêu chí loại V vào năm 2025.

Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch chung đô thị Thiện Hưng, huyện Bù Đốp đến năm 2045.

*** Các nội dung đã thực hiện:**

Thực hiện Công văn số 571/UBND-KT ngày 11/4/2022 của UBND huyện Bù Đốp về việc triển khai tổ chức lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết trên địa

bàn xã Thiện Hưng; UBND xã đã thực hiện các bước rà soát quy hoạch, phối hợp phòng Kinh tế hạ tầng cùng với đơn vị tư vấn do viện nghiên cứu quy hoạch xây dựng Miền Nam thực hiện nhiệm vụ quy hoạch chung trên địa bàn Thiện Hưng; lấy ý kiến các đơn vị liên quan, trình cấp đơn vị cấp huyện cho ý kiến và trình Sở xây dựng thẩm định, tham mưu UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

** Khối lượng thực hiện:*

UBND huyện đã bố trí vốn thực hiện công tác quy hoạch.

Đơn vị tư vấn đã xây dựng nhiệm vụ quy hoạch; hiện nay UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Triển khai xây dựng đồ án quy hoạch; quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy chế quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định.

Dự kiến thời hoàn thành đồ án quy hoạch trong Quý II/2024.

** Kinh phí thực hiện: 3.533 triệu đồng.*

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Cơ bản đạt.

2.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

* Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định:

+ 100% đường xã được bảo trì hàng năm, có hệ thống an toàn giao thông phù hợp và đúng quy định.

+ Có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực đông dân cư.

* Tỷ lệ đường thôn, ấp và đường liên thôn, ấp:

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm: 100%.

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:

- Có hệ thống an toàn giao thông phù hợp và đúng quy định.

- Có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực đông dân cư.

* Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: $\geq 95\%$.

* Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện trình Đảng ủy và HĐND xã xem xét thông qua; tổ chức họp dân thông báo khối lượng thực hiện trong năm để người dân biết, qua đó người dân tham gia bằng cách tự giải tỏa cây trồng vật kiến trúc hoặc đóng góp ngày công, kinh phí để thực hiện.

Chỉ đạo Ban vận động các thôn tuyên truyền vận động người dân góp kinh phí lắp trụ, kéo điện thấp sáng vào ban đêm tại các khu vực trung tâm thôn hoặc khu vực đông dân cư. Triển khai các kế hoạch thực hiện các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp.

** Các nội dung đã thực hiện:*

Rà soát các tuyến đường nhựa, BTXM chưa được đầu tư đèn chiếu sáng, cây xanh. Khảo sát, đề xuất khối lượng đầu tư; họp người dân để triển khai.

Phối hợp với cơ quan cấp trên triển khai thi công và giám sát các công trình.

Đối với những công trình do xã làm chủ đầu tư thì thực hiện các bước theo quy định.

Đối với những công trình người dân phải đóng góp, UBND xã trình Đảng ủy, HĐND xem xét ra Nghị quyết, sau đó ra quyết định huy động.

Công tác làm đường BTXM theo cơ chế đặc thù thì tổ chức họp dân để người dân biết và quyết định biện pháp thực hiện.

Các đoàn thể, các thôn triển khai thực hiện các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp.

** Tổng số km đường giao thông là: 127,952 km. Trong đó:*

+ Đường giao thông liên xã là: 58,75 km đường nhựa, đạt 100% và có 25,15 km được thấp sáng, đạt 100% (tính đoạn đường đông dân cư từ 50m trở xuống).

+ Đường giao thông liên thôn là: 28,57 km đường nhựa, đạt 100% và có 14,19 km được thấp sáng, đạt 100% (tính đoạn đường đông dân cư từ 50m trở xuống).

+ Đường ngõ, xóm: Với chiều dài là: 40,632 km đường nhựa, đường BTXM; đạt 100%; trong đó: Có 11,86 km được thấp sáng, đạt 100% (tính đoạn đường đông dân cư từ 50m trở xuống).

+ Đường trục chính nội đồng, đường đất khác: Tổng số 9 km đường nhựa, đường BTXM; đạt 100%.

** Kinh phí thực hiện: 275.139 triệu đồng.*

c) Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

d) So sánh giai đoạn từ 2018-2023:

Đường giao thông liên xã, thôn là: 87,32km, tăng 21,95km so với năm 2017.

Đường giao thông ngõ, xóm là: 40,632 km, tăng 22,032km so với năm 2017.

2.3 Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: $\geq 90\%$.
- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: Đạt.
- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: $\geq 35\%$.
- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: 100%.
- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Hàng năm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác phòng chống hạn, thiên tai; tổ chức nạo vét, khơi thông các kênh mương nội đồng; vận động người dân tưới chủ động. Triển khai công tác phòng chống thiên tai.

*** Các nội dung đã thực hiện:**

Xây 150m kè, mương thoát nước tại thôn 2. Phối hợp với phòng NN&PTNT huyện khảo sát, nạo vét hơn 4.000 m mương tại cánh đồng thôn 6, thôn 4 và cánh đồng Gia rây đảm bảo cho việc không ngập úng hoa màu vào mùa mưa.

Vận động nhân dân chủ động nguồn nước bảo đảm cho việc tưới cho cây trồng vào mùa khô; diện tích tưới tiên tiến 250ha. Xây dựng và triển khai phương án phòng chống lụt bão, chú ý đến những khu vực trũng thấp, dễ bị ngập cục bộ khi mưa lớn.

Cập nhật thông tin thời tiết kịp thời thông báo, tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho phòng chống lụt bão.

Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương:

+ Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: Xã luôn huy động lực lượng từ ban điều hành các ấp, lực lượng dân quân, các đơn vị đóng chân trên địa bàn tham gia ứng cứu khi có thiên tai xảy ra. Hàng năm Ban chỉ huy xây dựng Kế hoạch, Phương án phòng,

chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn để khi xảy ra tình huống có phương án ứng cứu kịp thời, chủ động lực lượng, thiết bị vật chất cho việc ứng cứu và cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo công tác phòng tránh thiên tai.

+ Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

Ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như cuốc, xẻng, áo mưa, áo phao, đèn pin, ủng...

** Khối lượng thực hiện:*

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần được tưới và tiêu nước chủ động gồm diện tích trồng cây hàng năm, cây ăn trái và cây tiêu. Nguồn nước để sản xuất nông nghiệp chủ yếu từ sông Bé, các suối nhỏ, các ao, giếng đào, giếng khoan; nguồn nước đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp của xã. Trên địa bàn xã có các nhánh suối nhỏ, các dòng suối tự nhiên tiêu nước ra sông Măng và sông Bé.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 943,7ha/1023,7 ha các cây trồng chủ lực cần tưới, đạt 92%.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu nước chủ động 4.842,55/4.997,55ha, đạt trên 98,4%.

+ Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: Trên địa bàn xã không có công trình thủy lợi nên không có tổ chức thủy lợi cơ sở; việc thực hiện tưới, tiêu thoát nước từ các dòng suối nhỏ, sông Bé các suối nhỏ, các ao, giếng đào, giếng khoan; trên địa bàn xã nguồn nước đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 315 ha/619,3 ha, đạt 50,8%.

+ Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm 100%: Trên địa bàn không có công trình thủy lợi. Tuy nhiên, để thực hiện tiêu thoát nước, xã đã chủ động khơi thông mương rạch.

+ Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Tuy trên địa bàn không có công trình thủy lợi nhưng UBND xã thường xuyên kiểm tra nguồn nước thải xả ra các dòng suối nhỏ, cơ bản kiểm soát tốt nguồn nước xả thải trên địa bàn.

+ Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:

Xây dựng và triển khai đầy đủ các văn bản có liên đến công tác PCTT&TKCN trên địa bàn, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phương châm "4 tại chỗ" trong công tác PCTT&TKCN. Kiện toàn Quyết định Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã, thành lập Đội xung kích PCTT&TKCN cấp xã gồm 25 đồng

chí đi vào hoạt động và có hiệu quả, ban hành quy chế hoạt động, xây dựng kế hoạch, báo cáo tháng, năm, phương án, lịch trực và báo cáo đột xuất PCTT&TKCN đảm bảo theo quy định. Mua sắm trang, thiết bị, phương tiện, hậu cần đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra trên địa bàn với phương châm “4 tại chỗ” (*Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*), chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả, trong đó lấy phòng ngừa là chính, tùy loại hình thiên tai bão, lũ lụt, lũ quét để triển thực hiện nhiệm vụ. Tuyên truyền Luật phòng chống thiên tai, các văn bản có liên quan đến công tác PCTT&TKCN, tập huấn, huấn luyện, diễn tập... đều hoàn thành đúng kế hoạch. Đạt chất lượng tốt.

Về tổ chức lực lượng phương tiện:

- Lực lượng: Tổng quân số 109 đ/c trong đó: Lực lượng cơ động của xã 28 đ/c; lực lượng DQTC 9 thôn 72 đ/c; DQTT xã 9 đ/c; Lực lượng hợp đồng 30 đ/c; Công an xã, các ban ngành đoàn thể xã, Ban điều hành thôn.

- Phương tiện: 100m dây dù, 10 áo phao, 3 đèn pin, 10 phao cứu sinh, 3 bình cứu hỏa. Ngoài ra khi có tình huống xảy ra sẽ huy động và trưng dụng xe gắn máy và các phương tiện ô tô, máy cày, máy kéo của cán bộ nhân dân trong xã, thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ.

- Tổ chức: Tổ chức thành 5 lực lượng. Cụ thể:

Lực lượng phòng chống tại chỗ: Mỗi thôn sử dụng 1 tổ chức DQTC của thôn.

Lực lượng khắc phục hậu quả; sẵn sàng huy động DQCD xã 28 đ/c, phối hợp với công an xã và các ban ngành đoàn thể trong xã.

Lực lượng bảo vệ, tuần tra: Sử dụng aDQTT phối hợp với công an, đồn biên phòng (khu vực gần biên giới).

Lực lượng dự bị: Sử dụng lực lượng DQ của thôn đảm bảo không xảy ra thiên tai, thảm họa.

Lực lượng hợp đồng: Gồm 30 đ/c các lực lượng thuộc UBND xã, ban ngành đoàn thể các thôn.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Phối hợp với ngành điện lực khảo sát và đề xuất khối lượng thực hiện; tuyên truyền vận động người dân giải tỏa cây trồng và hiến đất để đầu tư lưới điện trung hạ thế; cắt tỉa cao su và các cây ảnh hưởng đến an toàn lưới điện.

Tổ chức kiểm tra thống kê tổng hợp số liệu về tỷ lệ sử dụng điện tại thôn.

** Khối lượng thực hiện:*

Hiện nay, tổng số trạm biến áp phân phối trên địa bàn xã 104 trạm, tổng công suất 12.672,5 (kVA), chiều dài đường dây trung áp 46,441km, chiều dài đường dây hạ áp 6.984,7km (bao gồm cả tài sản ngành điện và tài sản khách hàng). Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định 3.298/3.298 hộ đạt 100%.

Tỉ lệ đèn đường thấp sáng 51,2km, đạt 100% khu dân cư tập trung.

** Kinh phí thực hiện:* 1.655 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

d) So sánh giai đoạn:

Năm 2023 tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt từ các nguồn là 3.298 hộ, tăng 300 hộ so với năm 2017.

2.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ trường học các cấp (MN, TH, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chí chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2: 100%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 3.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

- Thống kê số lượng học sinh, cơ sở vật chất trên địa bàn xã; rà soát nhu cầu đạt chuẩn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trường học trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

- Triển khai xóa mù chữ đạt chuẩn, xây dựng cộng đồng học tập.
- Triển khai mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

** Các nội dung đã thực hiện:*

+ Toàn xã có 05 trường, bao gồm: 03 trường tiểu học (Trường tiểu học Thiện Hưng A; Trường tiểu học Thiện Hưng B; Trường tiểu học Thiện Hưng C); 01 Trường Mầm non Tuổi Thơ và 01 Trường THCS Bù Đốp. Tổng số học sinh 5 trường năm học 2023-2024 là 2.493 em, trong đó: Học sinh mầm non là 358 em, học sinh cấp 1 là 1.315 em, học sinh cấp 2 là 820 em. Với 84 phòng có 85 lớp, 190 giáo viên, công nhân viên. Có 5/5 trường đạt chuẩn mức độ 1 (THA, THB, THC, THCS, MNNT) và 01 trường đạt chuẩn mức độ 2 (Trường THA).

Trường mẫu giáo Tuổi Thơ: Đạt.

Trong giai đoạn 2018-2023 đã đầu tư: 18 phòng học và 8 phòng chức năng.

- Phòng học: Được xây dựng kiên cố (khép kín): 26 phòng.

Nhà trường hiện đang sử dụng phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và phòng học cho tất cả các lớp trong nhà trường đúng theo qui định. Bên trong mỗi phòng học đều phải được trang bị đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng để cho trẻ hoạt động. Diện tích đảm bảo cho các trẻ bình quân $2,5m^2/1$ trẻ.

- Phòng thể chất và phòng nghệ thuật (sử dụng chung) có diện tích là $64m^2$ đảm bảo diện tích quy định không nhỏ hơn $60m^2/phòng$. Được trang bị đầy đủ các thiết bị học tập theo quy định.

- Khối phòng hành chính - quản trị: Nhà trường có đầy đủ các phòng trong khối phòng hành chính - quản trị được quy định như: 01 phòng hội họp; 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính - quản trị; 01 phòng y tế; 01 phòng bảo vệ; 01 nhà bếp ăn tập thể; 02 phòng dành cho giáo viên; 02 khu vệ sinh cho CB-GV-NV được phân chia thành khu vực nam, nữ gồm có 05 buồng vệ sinh; 01 khu để xe cho CB-GV-NV. Số lượng các loại phòng ở khối phòng hành chính - quản trị đủ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 6, 7 của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Khuôn viên trường với diện tích $9.924 m^2$ có khu vui chơi vận động: Vườn cỏ tích; vườn hoa của bé; đảm bảo các loại đồ chơi theo quy định. Khuôn viên được bao quanh bởi hàng rào kiên cố, có cổng.

Trường THCS Bù Đốp: Đạt.

Trong giai đoạn 2018-2023 đã đầu tư: Xây mới 6 phòng học và 3 phòng học bộ môn.

- Phòng học: 13 phòng/20 lớp, đảm bảo trên $0,65$ phòng/1 lớp học.

- Phòng học: 1 phòng Âm nhạc, 1 phòng Mỹ thuật, 1 phòng Tin học, 2 phòng Ngoại ngữ, 2 phòng đa chức năng.

- Khối hỗ trợ học tập: Thư viện: 1 phòng; phòng thiết bị: 1 phòng; phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hoà nhập: 1 phòng; phòng truyền thống: 1 phòng; phòng Đội Thiếu niên: 1 phòng.

- Khối phụ trợ: Phòng họp: 01 phòng; phòng y tế trường học: 01 phòng; nhà kho: 02; khu để xe học sinh: 01; khu vệ sinh học sinh: 01; phòng nghỉ cho GV: 2 phòng; công, hàng rào được ngăn cách bên ngoài bằng tường xây, B40.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Sân chơi, sân tập được đổ bê tông bằng phẳng, có cây bóng mát; các thiết bị vận động còn ít, chưa phong phú.

- Khối phục vụ sinh hoạt: Không có (nhà bếp, kho bếp, nhà ăn...).

- Tổng diện tích trường: 14.261,6 m². Trong đó diện tích xây phòng học là hơn 6.500 m², diện tích sân trường là 5.060m², diện tích bãi tập là 2.840m², diện tích vườn trường còn lại là gần 160m².

Trường Tiểu học Thiện Hưng A: Đạt.

Trong giai đoạn 2018-2023 đã đầu tư: Xây mới 6 phòng học và 3 phòng chức năng.

- Khối phòng học tập:

Phòng học: 19 phòng/19 lớp. Đảm bảo mỗi lớp học có 1 phòng riêng biệt.

Phòng học Âm nhạc; Phòng Mỹ thuật; Phòng Tin học; Phòng Ngoại ngữ; Phòng đa chức năng; Phòng Khoa học công nghệ: Đã có đầy đủ theo quy định.

- Khối hỗ trợ học tập: Phòng Thư viện: 01 phòng; phòng Thiết bị: 01 phòng.

- Khối phụ trợ: Phòng y tế học đường: 01 phòng; phòng tư vấn học đường: 01 phòng; nhà kho: 01 phòng; nhà để xe học sinh: 01 nhà; khu vệ sinh học sinh: Có khu dành riêng biệt cho học sinh nam và học sinh nữ; phòng nghỉ giáo viên: 01 phòng; nhà để xe giáo viên: 01 nhà; khu vệ sinh giáo viên: Có khu dành riêng biệt cho nam và nữ.

- Khối phòng hành chính - quản trị của Trường gồm: 01 phòng HT, 01 phòng PHT, 01 phòng họp, 01 phòng kế toán và văn thư, 02 phòng bảo vệ, 01 phòng Truyền thống, 01 phòng Đội thiếu niên, 01 phòng Đoàn thể.

- Khối phục vụ sinh hoạt: Có nhà ăn, bếp ăn.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Khuôn viên trường với tổng diện tích 11.578m²; sân chơi, sân tập tương đối bằng phẳng đảm bảo diện bình quân 19,9 m²/học sinh. Có sân cầu lông, sân đá cầu, sân bóng đá mini cỏ tự nhiên, đường chạy 60m. Trường có nhà thể dục đa năng với diện tích 800 m² đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Trường Tiểu học Thiện Hưng B: Đạt.

Trong giai đoạn 2018-2023 đã đầu tư xây nhà vệ sinh và công trường.

- Khối phòng học tập: Có 284 em với 26 CB-GV.

- Phòng học: 15 phòng/13 lớp. Đảm bảo mỗi lớp học có 1 phòng riêng biệt.

- Phòng học Âm nhạc; Phòng Mỹ thuật; Phòng Ngoại ngữ; Phòng đa chức năng; Phòng Khoa học công nghệ lồng ghép phòng. Riêng Phòng Tin học nhà trường tạm thời bố trí 1 phòng tạm để dạy tin học.

- Khối phụ trợ: Nhà để xe học sinh: 01 nhà; khu vệ sinh học sinh: Có khu dành riêng biệt cho học sinh nam và học sinh nữ; phòng nghỉ giáo viên: 01 phòng; nhà để xe giáo viên: 01 nhà; khu vệ sinh giáo viên: Có 2 phòng.

- Khối phòng hành chính - quản trị của Trường gồm: 01 phòng Hiệu trưởng; có 01 phòng kế toán và văn thư; 01 phòng bảo vệ, 01 phòng Truyền thống, Đội thiếu niên; 01 phòng Đoàn thể.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 1 phòng.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Khuôn viên trường với tổng diện tích 8.142,7m²; sân chơi, sân tập tương đối bằng phẳng đảm bảo diện bình quân 21,3m²/ học sinh. Có sân đá cầu, đảm bảo cho học sinh luyện tập học môn GDTC.

- Có tường rào bao quanh bảo vệ, đảm bảo an ninh cho nhà trường. Công trường và tường rào đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ.

Trường Tiểu học Thiện Hưng C: Đạt.

- Khối phòng học tập: Có 461 em với 34 CB-GV.

Phòng học: 19 phòng/19 lớp. Đảm bảo mỗi lớp học có 1 phòng riêng biệt.

Phòng học Âm nhạc; Phòng Mỹ thuật; Phòng Tin học; Phòng Ngoại ngữ; Phòng GDTC; Phòng Khoa học công nghệ: Đã có đầy đủ theo quy định.

- Khối hỗ trợ học tập: Phòng Thư viện: 01 phòng; phòng Thiết bị: 01 phòng.

- Khối phụ trợ: Phòng y tế học đường: 01 phòng; phòng tư vấn học đường: 0 phòng; nhà kho: 01 phòng; nhà để xe học sinh: 02 nhà; khu vệ sinh học sinh: Có khu dành riêng biệt cho học sinh nam và học sinh nữ; phòng nghỉ giáo viên: 01 phòng; nhà để xe giáo viên: 01 nhà; khu vệ sinh giáo viên: Có khu dành riêng biệt cho nam và nữ;

- Khối phòng hành chính - quản trị của Trường gồm: 01 phòng HT, 02 phòng PHT, 01 phòng họp Hội đồng, 01 phòng kế toán và văn thư, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng Truyền thống- Đội thiếu niên, 01 phòng Đoàn thể.

- Khối phục vụ sinh hoạt: Có nhà ăn, bếp ăn.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Khuôn viên trường điểm chính với tổng diện tích 5.891,2m²; sân chơi, sân tập tương đối bằng phẳng đảm bảo diện bình quân 16.05 m²/học sinh. Có sân cầu lông, sân đá cầu, sân bóng đá mini cỏ tự nhiên, đường chạy 60m. Trường có nhà Giáo dục thể chất với diện tích 800 m² đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả. Trường tiểu học THC có Điểm thôn 1 với tổng diện tích 2.551,1m²; có sân chơi, sân tập tương đối bằng phẳng đảm bảo diện bình quân 27,13 m²/học sinh. Có sân cầu lông, sân đá cầu, sân tập thể dục.

Có tường rào bao quanh bảo vệ, đảm bảo an ninh cho nhà trường. Cổng trường và tường rào đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Tỷ lệ trường học các cấp (MN, TH, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chí chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 là 5/5 trường và 01 trường đạt tiêu chuẩn CSVN mức độ 2 (trường Tiểu Học Thiện Hưng A).

+ Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Kết quả đánh giá chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2023 trên địa bàn xã đạt chuẩn 100%.

+ Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Kết quả đánh giá đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS năm 2023 trên địa bàn xã đạt mức độ 3.

+ Đạt chuẩn xóa mù chữ: Kết quả đánh giá đạt chuẩn xóa mù chữ năm 2022 trên địa bàn xã đạt mức độ 2.

+ Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại Khá: Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND thị xã Thiện Hưng v/v công nhận kết quả đánh giá, xếp loại đơn vị học tập, cộng đồng học tập; xã Thiện Hưng được đánh giá xếp loại Tốt.

+ Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Việc giáo dục thể chất cho học sinh được các trường học quan tâm; trong năm, tại 02 trường đã tổ chức mô hình giáo dục thể chất thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài trời để rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền cho các em học sinh.

** Kinh phí thực hiện: 31.864 triệu đồng.*

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

d) Giải pháp nâng chất tiêu chí trong thời gian tới; đề xuất, kiến nghị

Đẩy nhanh tiến độ triển khai: Xây dựng 1 sân bóng trường tiểu học Thiện Hưng A; hoàn thiện phòng giáo dục thể chất trường THCS Bù Đốp, đang hoàn thiện điểm chính trường tiểu học Thiện Hưng B.

2.6. Tiêu chí số 06 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên: Đạt.
- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: Đạt.
- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

- Triển khai vận động lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời tại các điểm công cộng, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa 9 thôn.
- Triển khai xây dựng thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

*** Khối lượng thực hiện:**

- + Có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên:

Xã Thiện Hưng đã có nhà văn hóa xã và hội trường nhà văn hóa 9 thôn với nhiều hạng mục công trình như sân bóng chuyền, sân cầu lông và các dụng cụ thể dục ngoài trời như xà đơn, xà kép nhằm phục vụ nhu cầu thể dục thể thao và định hướng phát triển các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn theo định hướng đô thị hóa.

Hiện nay, nhân dân trong xã tham gia các hoạt động vui chơi tại các điểm vui chơi công cộng thuộc nhà văn hóa các ấp, các sân trường; 02 sân bóng đá nhân tạo. Nhờ đó, đã góp phần tạo môi trường an toàn và lành mạnh cho trẻ em có cơ hội tham gia vui chơi, giải trí nhằm nâng cao kỹ năng sống, phát triển toàn diện về mọi mặt, có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Trong các dịp Lễ như 26/3, 30/4-01/5, 01/06, 19/8 và ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, UBND xã Thiện Hưng thường xuyên phối hợp các hội đoàn thể tổ chức các hoạt động thể dục thể thao như bóng đá, bóng chuyền, tổ chức các trò chơi dân gian nhằm tạo không khí thể thao sôi nổi trong nhân dân; Trong các dịp Tết và mừng Đảng mừng xuân 03/2, đơn vị cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thi văn nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân. Thành lập các câu lạc bộ dân vũ, bóng chuyền hơi ở các thôn.

+ Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: Trên địa bàn xã Thiện Hưng không có di sản văn hóa được công nhận.

+ Tỷ lệ thôn, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: Năm 2023 có 9/9 KDC đạt KDCVH.

** Kinh phí thực hiện: 11.774 triệu đồng.*

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.7. Tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (trường hợp xã không có chợ nông thôn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao, việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

- Chợ xã Thiện Hưng đã có từ trước giải phóng được nâng cấp và mở rộng chợ được thực hiện theo Công văn số 723/UBND-KTTH ngày 20/3/2012 của UBND tỉnh Bình Phước v/v thuận chủ trương đầu tư nâng cấp mở rộng chợ Thiện Hưng.

- Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện Bù Đốp v/v Nâng cấp, mở rộng Chợ Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước và Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 04/05/2015 của UBND huyện Bù Đốp v/v điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư công trình.

** Khối lượng thực hiện:*

Chợ xã Thiện Hưng được khởi công xây dựng nâng cấp và mở rộng năm 2012 đến năm 2017 hoàn thành, các hạng mục công trình đã hoàn thành đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng cụ thể như sau:

Chợ Thiện Hưng là chợ hạng 3 gồm: Nhà lồng chợ A, nhà lồng chợ B với 140 lô sạp. Trong đó lô sạp khép kín có lắp cửa cuốn là 92 lô, lô sạp không xây khép kín để bán các mặt hàng tươi sống như cá, thịt, rau cải... là 48 sạp.

Nhà ban quản lý chợ, bể nước ngầm, giếng khoan, sân, đường bê tông, hệ thống điện trong và ngoài nhà, hệ thống thoát nước và hệ thống PCCC.

Chợ Thiện Hưng được giao cho UBND xã làm chủ đầu tư là: Công trình nâng cấp mở rộng chợ trên nền chợ cũ, nhằm chỉnh trang, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa cho nhân dân trong xã, đảm bảo ANCT-TTATXH và PCCC khu vực chợ, không nhằm mục đích sinh lợi nhưng phải đảm bảo tiền thu được từ việc cho thuê mặt bằng kinh doanh đủ thanh toán cho kinh phí đầu tư xây dựng và bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ hàng năm.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng: Chợ được thực hiện theo phương án UBND xã kêu gọi nhà thầu bỏ vốn đầu tư trước, sau khi chợ đi vào hoạt động, chủ đầu tư tiến hành cho thuê lô sạp, thu hồi vốn để thanh toán cho nhà thầu với phương thức ưu tiên cho các hộ đã kinh doanh tại chợ thuê địa điểm kinh doanh bằng hình thức bốc

thăm (không qua đấu giá) và các hộ kinh doanh thuê lô sạp phải thanh toán dứt điểm tiền thuê cho cả thời gian thuê 25 năm sau khi ký hợp đồng thuê.

+ Nhà lồng A là khu hàng hóa tổng hợp là 70 lô sạp.

+ Nhà lồng B là khu hàng truyền thống và hàng tươi sống là 70 lô sạp.

* Ngoài ra, trên địa bàn xã có cửa hàng Bách hóa xanh; có 67 hộ kinh doanh tạp hóa phục vụ nhu cầu của bà con nhân dân.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.8. Tiêu chí số 08 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Có mạng internet không dây (wifi) miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

- Triển khai lắp đặt mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nhà văn hóa 9 thôn, 5 trường trên địa bàn, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).

- Thống kê tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh.

- Xây dựng trang thông tin điện tử xã.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới; Trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống, kinh tế - xã hội của đơn vị hiện đang ứng dụng công nghệ thông tin gồm: Ứng dụng dịch vụ công giải quyết thủ tục hành chính, ứng dụng kế toán xã, ứng dụng ioffice - quản lý và điều hành văn bản, ứng dụng VNeID - quản lý dữ liệu dân cư, ứng dụng VNeID - quản lý bảo hiểm, ứng dụng Binhphuoctoday - cung cấp thông tin và dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp, ứng dụng quản lý hồ sơ cán bộ công chức viên chức, ứng dụng chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và nhiều ứng dụng báo cáo chuyên ngành.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo đạt tỷ lệ quy định.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: Có tiệm văn phòng phẩm Meo meo do cô Nguyễn Thị Thu Hương, số nhà 27, Thôn 2 xã Thiện Hưng, Bù Đốp, Bình Phước, bán sách vở dụng cụ học tập cho học sinh. Tiệm photo copy Nghĩa do ông Trần Văn Nghĩa, số nhà 67 Thôn 2, Thiện Hưng. Tiệm văn phòng phẩm Nguyễn An, Thôn 2. Trên địa bàn hiện nay có 01 điểm bưu điện văn hóa xã đặt tại thôn 2 xã thường xuyên cung cấp dịch vụ cho người dân khi được liên hệ.

+ Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 4.853/6.004 người, đạt trên 80,8%.

+ Có dịch vụ báo chí truyền thông:

Có 100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên cung cấp thông tin đến nhân dân.

100% thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

Trên địa bàn xã có điểm phục vụ bưu chính cung cấp xuất bản phẩm.

+ Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới:

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã là 518/2.023, đạt 25,5%.

Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và an toàn thông tin đạt 100%.

Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về máy tính và kỹ năng số cơ bản 70%.

Xã có 02 sản phẩm OCOP là tiêu hữu cơ và sản phẩm móc đan được quảng bá bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử PostMart, đạt 100%.

+ Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng: 20/20 điểm đạt 100%; tại UBND xã, nhà văn hóa các thôn, các trường và các địa điểm công cộng hiện nay đều có lắp đặt mạng internet không dây (wifi) miễn phí đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành và vận động một số hộ dân không sử dụng khóa wifi. Ngoài ra, tại các cửa hàng tạp hóa, cửa hàng ăn uống trên địa bàn đều đáp ứng nhu cầu wifi cho khách hàng.

** Kinh phí thực hiện: 3.200 triệu đồng.*

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.9. Tiêu chí số 09 về Nhà ở và dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: 95%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Vận động xây nhà tình thương cho hộ nghèo cận nghèo khó khăn về nhà ở; vận động người dân chỉnh trang nhà ở.

Triển khai rà soát, thống kê đánh giá nhà ở trên địa bàn xã.

** Khối lượng thực hiện:*

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn hiện nay được đánh giá đạt 3.183/3.298 hộ, 96,5%.

Trong 06 năm từ các nguồn vận động xây được 63 căn nhà tình thương.

** Kinh phí thực hiện:* 6.630 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người): Năm 2023 \geq 80 triệu đồng/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

UBND xã tổ chức rà soát nhu cầu; phối hợp tổ chức triển khai tập huấn, chuyển giao tiến bộ khóa học kỹ thuật, công nghệ.

Triển khai thực hiện, lồng ghép các dự án hỗ trợ sản xuất, các mô hình trình diễn và tổ chức nhân rộng bằng hội thảo đầu bờ.

Triển khai rà soát, thống kê thu nhập của người dân, đánh giá và đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho các hộ khó khăn trên địa bàn xã.

** Khối lượng thực hiện:*

UBND xã đã tổ chức rà soát nhân khẩu, điều tra chọn mẫu và nhập liệu suy rộng tính thu nhập bình quân đầu người theo hướng dẫn của Chi cục Thống kê huyện; kết quả năm 2023 thu nhập bình quân đầu người tại xã Thiện Hưng đạt 80,03 triệu đồng/người/năm.

** Kinh phí thực hiện:* 40 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

d) So sánh giai đoạn: Năm 2023 thu nhập bình quân đầu người tăng 49,03tr/người so với năm 2017.

2.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: Theo hướng dẫn của Bộ lao động thương binh xã hội tại Quyết định 757/QĐ-LĐTBXH ngày 18/8/2022 của Bộ LĐ-TBXH: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hàng năm dưới chỉ tiêu vùng là 0,3%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Toàn xã có 64/3.298 hộ, chiếm 1,93% tổng số hộ dân toàn xã; số hộ cận nghèo 79 hộ/ 3.298 hộ, chiếm tỷ lệ 2,39%. Năm 2023, xã xây dựng kế hoạch giảm 56 hộ nghèo trên địa bàn xã (trong đó thực hiện giảm nghèo 19 hộ là đồng bào DTTS) và 67 cận nghèo (trong đó có 28 hộ đồng bào DTTS).

Khuyến khích nhân rộng các mô hình chăn nuôi; thực hiện hiệu quả nguồn HTSX từ chương trình giảm nghèo bền vững.

Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất; thực hiện hỗ trợ vật nuôi, vật tư giúp các hộ nghèo nâng cao thu nhập, thoát nghèo.

*** Khối lượng thực hiện:**

Xây 6 căn nhà cho hộ nghèo, cận nghèo (trong đó có 05 căn xây cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thuộc chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS của Tỉnh). Sửa 05 căn nhà, Xây 05 căn nhà vệ sinh, khoan 04 giếng khoan. Cấp 73 con bò giống sinh sản cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo 36 tháng. Cấp 10 máy phát cỏ, 10 máy cưa cho hộ nghèo DTTS chương trình 1000.

Kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2023 xã Thiện Hưng còn 8 hộ (trừ 3 hộ không có khả năng lao động) chiếm 0,15% và có 13 hộ cận nghèo (trừ 9 hộ không có khả năng lao động) chiếm tỷ lệ 0,12%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã là 9/3298 chiếm tỷ lệ 0,27% (đã trừ hộ không có khả năng lao động) được đánh giá đạt tiêu chí Nghèo đa chiều.

*** Kinh phí đã thực hiện:** 3.030 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

d) So sánh giai đoạn: Năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 2,41% so với năm 2017.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ): $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: $\geq 35\%$.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Hàng năm, UBND xã phối hợp với các Sở ban ngành, các phòng ban chuyên môn, các đoàn thể và các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn xã tổ chức các lớp đào tạo nghề như: Cạo mũ cao su, trồng và chăm sóc các loại cây nông nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò, heo và dê, sửa chữa xe máy trang điểm điểm cho phụ nữ...

* *Khối lượng thực hiện:*

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trên địa bàn xã Thiện Hưng là 6.004 lao động; lao động qua đào tạo áp dụng cho cả nam và nữ trên địa bàn xã năm 2023 là 5.120 lao động, đạt tỷ lệ 85,2%. Trong đó:

Lao động nam: 2.653/3.102 người; đạt tỷ lệ 85,5%;

Lao động nữ: 2.467/2.902 người; đạt tỷ lệ 85%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: Lực lượng qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 2.122 lao động, đạt tỷ lệ 35,34%. Trong đó:

Lao động nam: 1.090/3.102 người; đạt tỷ lệ 35,1%;

Lao động nữ: 1.032/2.902 người; đạt tỷ lệ 35,6%.

+ Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Tỷ lệ lao động làm việc tại xã Thiện Hưng tập trung nhiều trong nông nghiệp trồng trọt, chăm sóc và khai thác mủ cao su, điều (sản phẩm chủ lực của địa phương) và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp chế biến hạt điều.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: Đạt.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận: Đạt.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: ≥ 1 .

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đạt.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: 10%.

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Đạt.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội: Đạt.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

**** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:***

- Hướng dẫn, đôn đốc triển khai hoạt động HTX theo phương án sản xuất kinh doanh, hiệu quả.

- Phối hợp với các đoàn thể, hội nông dân lập hồ sơ sản phẩm OCOP.

- Hướng dẫn mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

- Khuyến khích các sản phẩm trên địa bàn xã bán qua kênh thương mại điện tử, trang mạng xã hội.

- Hướng dẫn, hỗ trợ công ty xây dựng mã vùng trồng.

- Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội.

- Định hướng mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

**** Khối lượng thực hiện:***

+ Về nội dung xã có mô hình Hợp tác xã hoạt động hiệu quả:

Hợp tác xã được xếp loại khá trở lên theo tiêu chí đánh giá phân loại hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.

Về nội dung có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định:

- Đối tượng thực hiện liên-kết: Người trồng hồ tiêu.

- Nội dung liên kết: Liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty chế biến gia vị Nedspice.

- Hình thức liên kết: Nông dân trồng, chăm sóc hồ tiêu; Công ty chế biến gia vị Nedspice tư vấn kỹ thuật, thuốc bảo vệ thực vật và bao tiêu sản phẩm.

- Hiệu quả của mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của xã: Xã có 1 hợp tác xã và 3 tổ hợp tác với: 37 xã viên.

Tên hợp tác xã: HỢP TÁC XÃ HỒ TIÊU BỀN VỮNG THIỆN HUNG. Địa chỉ hợp tác xã: Thôn 4, Xã Thiện Hưng, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước.

Về hồ sơ pháp lý, trụ sở chính của hợp tác xã

Có giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số: 44.10.07.000007 do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bù Đốp cấp ngày 13/06/2019.

Có giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu và có con dấu của hợp tác xã.

Có trụ sở chính tại: Thôn 4 xã Thiện hưng huyện Bù Đốp, Bình Phước.

Hợp tác xã hoạt động theo:

- Quy chế HTX đã được thông qua tại hội nghị thành viên.
- Phương án sản xuất kinh doanh.
- Điều lệ hợp tác xã đã được thống nhất và thông qua.
- Số lượng thành viên HTX đảm bảo: 15 thành viên.
- Cơ cấu tổ chức quản lý HTX đầy đủ theo quy định: Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên, chủ tịch HĐQT, kiêm giám đốc HTX, 02 phó giám đốc, 01 kiểm soát viên và kế toán.
- Mô hình liên kết: Cung ứng cây giống và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho hạt Tiêu.
- Đối tượng liên kết: Công ty TNHH và hợp tác xã.
- Nội dung liên kết: Liên kết theo chuỗi giá trị.

Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: Xã Thiện Hưng hiện có 01 Hợp tác xã NN – DV Hồ Tiêu bền vững Thiện Hưng thành lập ngày 27/7/2017 với tổng số 16 thành viên, tổng số vốn điều lệ là 200.000.000 đồng, ngành nghề chủ lực là trồng và sản xuất hồ tiêu; Liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty chế biến gia vị Nedspice.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có các THT:

Tổ hợp tác trồng và sản xuất Tiêu hữu cơ Út Phương. Địa chỉ: Thôn 10 xã Thiện hưng huyện Bù Đốp tỉnh Bình Phước.

Tổ hợp tác nuôi heo lai thôn 5 xã Thiện Hưng.

Tổ hợp tác trồng lúa nước thôn 5 xã Thiện Hưng.

+ Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận: UBND xã đã chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp Hội Nông dân, cán bộ khuyến nông hướng dẫn một số Tổ hợp tác, tổ nghề nghiệp đang hoạt động trên địa bàn lập hồ sơ đăng ký sản phẩm OCOP. Hiện đã có 02 sản phẩm Tiêu hữu cơ Út Phương thôn 10 và Đan móc cô hai Handmade gifts ở thôn 3 đã được công nhận chuẩn 03 sao.

+ Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: Trên địa bàn xã hiện nay có một tổ hợp tác tiêu hữu cơ Út Phương tại thôn 10 có ứng dụng công nghệ tưới tự động vào sản xuất và được công nhận sản phẩm tiêu hữu cơ; một mô hình trồng chuối cây mô của công ty Trường Tồn tại thôn Thiện Cư có ứng dụng công nghệ cao từ khâu trồng, tưới bón phân tự động, dây chuyền thu hái, xưởng sơ chế, phòng bảo quản lạnh và xuất khẩu đi Nhật Bản. Ngoài ra, các hộ dân trên địa bàn xã đều áp dụng cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp với các loại máy móc như máy phát cỏ, máy/bình điện xịt thuốc, máy cắt cành trong trồng trọt, chăm sóc cây trồng ...

+ Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: 02 sản phẩm OCOP là Đan móc cô hai Handmade gifts, Tiêu hữu cơ Út Phương đã xây dựng hồ sơ, quản lý dữ liệu sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

+ Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Hồ tiêu là sản phẩm chủ lực của địa phương, Tiêu hữu cơ Út Phương của địa phương hiện nay có bán qua các trang mạng xã hội facebook, zalo, kênh thương mại điện tử.

+ Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: UBND xã đã phối hợp Hội Nông dân hướng dẫn các hộ dân có diện tích cây trồng canh tác trên 16 ha như Tiêu hữu cơ Út Phương thôn 10 và 150 ha cây ăn trái Chuối Trường Tồn thôn Thiện Cư đã được cấp mã vùng trồng xuất khẩu.

+ Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội: Phối hợp với Đài PT-TH và báo Bình Phước xây dựng phóng sự về địa điểm du lịch sinh thái đường sông trên báo Bình Phước; trang website và mạng xã hội facebook; ngoài ra, các địa điểm nhận được sự quan tâm như Chùa Bảo Quang, Chùa Tâm Pháp, Nhà thờ được người dân đến trong dịp lễ tết, Noel chụp hình đăng ảnh trên các trang mạng xã hội facebook, zalo.

+ Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Hiện trên địa bàn xã có 03 tổ hợp tác, hai tổ nghề nghiệp đang hoạt động hiệu quả gồm: Tổ nghề nghiệp trồng rau an toàn có 05 hộ tại thôn 4 và thôn 5; Tổ nghề nghiệp trồng Nám Bào Ngư xám tại thôn 4, 5 có 10 hộ; Tổ hợp tác Tiêu hữu cơ Út Phương tại thôn 10 có 6 hộ; Tổ hợp tác trồng lúa nước tại thôn 5 có 6 hộ; Tổ hợp tác nuôi Heo rừng lai tại thôn 5 có 10 hộ là những mô hình ứng dụng khoa học công nghệ tích hợp giá trị kinh tế - môi trường, giúp người dân nâng cao thu nhập, không gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo sức khỏe theo hướng xanh - sạch.

* *Kinh phí thực hiện:* 460 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 40\%$.
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: Năm 2022-2024: $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

UBND xã phối hợp với các Đoàn thể tổ chức đi xuống các khu dân cư tuyên truyền, vận động người tham gia bảo hiểm y tế, triển khai sổ khám chữa bệnh điện tử; tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa.

*** Khối lượng thực hiện:**

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Kết quả đánh giá tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2023 trên địa bàn xã Thiện Hưng là 11.301/11.883 người, đạt 95,1%. Trong đó:

Tỷ lệ nam là 5.780/6.050 người, đạt 95,2%;

Tỷ lệ nữ là 5.542/5.833 người, đạt 95%.

+ Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: Kết quả đánh giá tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe năm 2023 là 11.305/11.883 người, đạt 95,1%. Trong đó:

Tỷ lệ nam là 5.780/6.050 người, đạt 95,5%;

Tỷ lệ nữ là 5.533/5.833 người, đạt 94,8%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: Hiện nay, đơn vị đã thành lập BCD và xây dựng kế hoạch “khám chữa bệnh từ xa” theo Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Sở Y tế về việc triển khai thực hiện đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử năm 2022-2024: Đơn vị đã triển khai theo lộ trình Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước v/v triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

*** Kinh phí thực hiện:** 1.200 triệu đồng.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Đạt.
- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: Đạt.
- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Triển khai, duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên; giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: UBND xã đã và đang thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm dịch vụ công Quốc gia theo quy định. Các thủ tục hành chính thuộc ngành Công an và Quân sự cũng được nghiêm túc triển khai thực hiện.

+ Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: Đơn vị đã thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính được quy định trực tuyến mức độ 3. Tính đến 16/10/2023, UBND xã đã giải quyết 330/330 hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, đạt tỷ lệ 100%; 179/179 hồ sơ dịch vụ công mức độ 2 đạt tỷ lệ 100%, đặc biệt không có hồ sơ trễ hạn.

+ Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Tính đến ngày 16/10/2023, tại UBND xã Thiện Hưng không có khiếu nại về thủ tục hành chính, không có khiếu nại vượt cấp.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: ≥ 1 .

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Triển khai thực hiện thành lập các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả và mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả trên địa bàn xã Thiện Hưng.

UBND xã xây dựng kế hoạch kiện toàn lại tất cả tổ hòa giải, phân công 01 công chức tư pháp - hộ tịch phụ trách công tác hòa giải ở cơ sở của các thôn.

Ban hành kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 29/12/2022 về thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã Thiện Hưng năm 2023.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả (câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật” Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 12/02/2023).

Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả: Tổ hòa giải thôn 5 xã Thiện Hưng được UBND huyện có Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 khen thưởng các tập thể có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình: Câu lạc bộ “Phụ nữ với pháp luật” Thôn 10 xã Thiện Hưng; Tổ hòa giải thôn 5 xã Thiện Hưng.

+ Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Đạt 09/10 vụ; đạt 90%.

Kinh phí chỉ cho các tổ hòa giải viên thực hiện đúng theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.

+ Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Trong năm có 213 người thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý nhưng không có nhu cầu trợ giúp pháp lý.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt $\geq 98\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: Đạt $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Đạt $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: Đạt $\geq 80\%$.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Đạt $\geq 95\%$.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đạt.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: $\geq 10\%$.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 4m^2/\text{người}$.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

- Rà soát, thống kê khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản; vận động triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, vận động cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn được thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại theo quy định.

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp.

- Triển khai vận động các gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Tuyên truyền, vận động các đơn vị, người dân trên địa bàn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nguy hại đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, vận động người dân thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tuyên truyền, vận động các cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Vận động người nhà hỏa táng người chết.

- Triển khai, vận động trồng cây xanh công cộng tại điểm dân cư.
- Tuyên truyền, vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được theo quy định.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Xã Thiện Hưng không có không có cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản. Hiện có 01 khu Chợ Thiện Hưng được phê duyệt theo Quyết định số: 1804/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện Bù Đốp V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, Mở rộng Chợ Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm: theo thống kê năm 2023 trên địa bàn xã có 2.096 con trâu/bò; 39.691 con heo (trong đó: 03 trang trại: 37.760 con; nhỏ lẻ từ hộ gia đình: 1.931 con); 37.659 con gà/vịt và gia súc khác 4.797 con. Số gia súc và gia cầm quy mô lớn được nuôi ở các trang trại, còn có một số quy nhỏ lẻ được người dân chăn nuôi rải rác, số lượng các hộ nuôi không nhiều, các hộ dân đều có hầm biogas chứa phân, nước thải, được xử lý bón cho cây trồng, bảo vệ môi trường. Số hộ chăn nuôi gia súc và gia cầm trên được người dân chăn nuôi rải rác trên địa bàn các thôn ấp số lượng các hộ nuôi không nhiều, nguồn phân các hộ chủ yếu xử lý bón cho cây trồng. Để đảm bảo vệ sinh môi trường UBND xã đã thường xuyên liên hệ các trung tâm dịch vụ nông nghiệp phổ biến khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, thực hiện nệm lót sinh học, biogas, quy trình xử lý ủ nguồn phân bón cho cây trồng đảm bảo vệ sinh môi trường tối các hộ chăn nuôi.

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

Theo thống kê năm 2023 trên địa bàn xã Thiện Hưng có 25 Cơ sở sản xuất, kinh doanh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã đều có đầy đủ hồ sơ, pháp lý thủ tục, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong đó có 03 cơ sở (trang trại chăn nuôi Heo) thuộc UBND tỉnh quản lý.

Nuôi trồng thủy sản, làng nghề: Xã Thiện Hưng không có cơ sở nuôi trồng thủy sản, không có làng nghề.

Trên địa bàn xã hiện nay có 25/25 cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

- Hình thức thu gom rác thải: UBND xã hợp đồng với đội công trình đô thị của huyện để thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải từ các hộ gia đình, đơn vị trường học, cơ quan đến bãi rác của huyện Bù Đốp.

UBND xã chỉ tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt, không thu gom rác thải các công trình xây dựng, cành cây.

Trường hợp phát sinh rác thải xây dựng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chủ động liên hệ với đội công trình đô thị để có hướng xử lý, không để trường hợp xả thải bừa bãi.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 2,5 tấn/ngày, chất thải rắn không nguy hại là 0,8 tấn/ngày.

Trên địa bàn xã có 3.298 hộ, số hộ thực hiện là 3.267 hộ, đạt 99 %.

- Đơn vị thu gom: Đội công trình đô thị huyện Bù Đốp.

- Phương tiện thu gom: Xe chở rác chuyên dụng.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: Hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương pháp bể tự hoại, bể tự hoại có vách ngăn trên địa bàn hiện nay là 2.006/3.298 hộ, đạt 60,82%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:

UBND xã đã phân công cụ thể cho từng bộ phận thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và phát huy mang tính bền vững, qua đó UBND xã phân công cho Hội liên hiệp Phụ nữ xã phối hợp Công chức Địa chính xã lập kế hoạch thực hiện thí điểm mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn tại một số tuyến đường khu dân cư, từ đó nhân rộng ra địa bàn các thôn

MTTQ xã, hội liên hiệp phụ nữ xã, hội nông dân, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên vận động tuyên truyền nhân dân phân loại rác thải tại nguồn kết quả có đa số hội viên tham gia tích cực

Nhìn chung các hộ gia đình thực hiện theo kế hoạch phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt hiệu quả.

Trên địa bàn xã có 3.298 hộ, số hộ thực hiện là 2.244 hộ, đạt 68,04%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Hiện nay trên địa bàn xã Thiện Hưng có một Trạm Y tế xã thực hiện công tác khám chữa bệnh; dự phòng như tiêm chủng mở rộng, tiêm ngừa vacxin phòng

covid, sơ cứu ban đầu và các nhiệm vụ về chỉ tiêu chương trình y tế quốc gia, khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh 2,5 - 3kg/1 tháng được Trung Tâm Y Tế huyện đi gom 1 tuần/1 lần và phân loại lưu giữ theo quy định.

- Biện pháp thu gom xử lý: Sau khi trạm y tế thực hiện phân loại và lưu giữ chất thải rắn nguy hại. Vào cuối mỗi ngày, Trung tâm y tế huyện sẽ đến thu gom và vận chuyển về xử lý tại trung tâm y tế huyện, khối lượng chất thải y tế được thu gom xử lý hàng tháng là 2,5 - 3kg/2,5 - 3kg /tháng 100%.

- Về tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng:

Xã Thiện Hưng với hơn 80% hộ dân làm ngành nông nghiệp trồng trọt. Trong những năm gần đây, ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; việc lạm dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các chất kích thích sinh trưởng để tăng năng suất, sản lượng cây trồng; việc xử lý các chất thải trong ngành nông nghiệp đang làm gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe cộng đồng cũng như sự phát triển bền vững của ngành đặc biệt là việc phát thải bao bì, chai lọ, gói thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.

Công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn xã Thiện Hưng được Hội nông dân xã triển khai cơ bản đạt yêu cầu, tại mỗi khu vực tập trung trồng trọt, bố trí 1 thùng để thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện hỗ trợ liên hệ với công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật để thu hồi về và xử lý theo quy định.

Theo tiêu chí về môi trường của xã nông thôn mới thì bao gói thuốc BVTV yêu cầu phải được thường xuyên thu gom và được xử lý toàn bộ theo quy định về xử lý rác thải nguy hại.

- UBND xã giao cho công chức Địa chính - Môi trường, phối hợp với hội nông dân xã, cán bộ khuyến nông, ban điều hành các thôn có trách nhiệm tuyên truyền vận động nhân dân, hội viên nông dân thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các điểm tập kết đã bố trí thùng rác chuyên dụng, xây dựng kế hoạch phối hợp với trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã hỗ trợ liên hệ các công ty sản xuất thuốc BVTV thu hồi về xử lý theo đúng quy định.

- Khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh trong tháng là 8kg. Khối lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom chuyên xử lý theo quy định là 8/8kg đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:

Phụ phẩm trong nông nghiệp chủ yếu là lá cây, rơm hoặc trái điều, theo tập quán của địa phương là thu gom và ủ tại vườn làm nguyên liệu để cải tạo đất tại chỗ, đối với các phụ phẩm trong chăn nuôi như chất hữu cơ, biogas, phụ phẩm nệm lót sinh học chủ yếu được ủ lại và làm phân bón cho cây trồng; đạt tỷ lệ 85,62%.

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Trên địa bàn xã không có cơ sở chăn nuôi tập trung, chỉ có chăn nuôi hộ gia đình, với số lượng chăn nuôi nhỏ lẻ như heo, bò. Các hộ chăn nuôi thực hiện tiêm phòng bắt buộc cho gia súc, thường xuyên tiêu độc khử trùng chuồng trại, xử lý chất thải bằng biogas, nệm lót sinh học 435 /448 hộ; đạt 97%.

+ Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Nghĩa trang chính của xã tại thôn 10 được đánh giá đáp ứng quy định của pháp luật, có quy chế quản lý nghĩa trang và theo quy hoạch.

+ Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Trên địa bàn thị xã Thiện Hưng hiện nay chưa có cơ sở hỏa táng nên tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng chưa cao; một số trường hợp được đưa xuống Bình Dương thiêu ròi đem về an táng với tỷ lệ 4/38 người chết, đạt 10,5%.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Đất trồng cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn hiện nay là 64.754m²/ 11.883 người, đạt 5,4m²/người.

+ Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

Hiện nay trên địa bàn xã có 04 cơ sở thu mua phế liệu và có 09 nhân lực chuyên đi thu gom mua các phế phẩm nhựa và các phế phẩm khác sau đó bán cho các vựa thu mua phế liệu. Phế liệu được thu mua từ các cơ sở này sẽ được vận chuyển đến bán cho các nhà máy ở Bình Dương hoặc Thành Phố Hồ Chí Minh để tái chế, tái sử dụng, xử lý theo quy định.

Khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã là 249 kg/ ngày. Theo số liệu điều tra tại 04 cơ sở thu mua phế liệu, trên địa bàn xã khối lượng được thu gom và xử lý trên địa bàn xã khoảng 225kg/ngày, đạt 90,4%.

Các hộ gia đình đều tham gia đầy đủ các hương ước, quy ước khu dân cư, cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Cơ bản Đạt.

2.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: $\geq 65\%$.

- + Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít.
- + Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 40\%$.
- + Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.
- + Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Đạt.
- + Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Cao hơn 1,5 lần so với bình quân của huyện, thị xã, thành phố.
- + Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: 100%.
- + Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

- Duy trì hoạt động nhà máy cấp nước, vận động nhân dân sử dụng nước máy khu vực có đường ống nước sạch; đối các hộ dân sống rải rác tuyên truyền sử dụng máy lọc nước hộ gia đình và mua các bình nước lọc về dùng.
- Phối hợp tổ chức tập huấn, tuyên truyền về an toàn thực phẩm tới các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản thực hiện chứng nhận về an toàn thực phẩm.
- Tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

** Khối lượng thực hiện:*

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Trên địa bàn xã hiện nay có hệ thống cấp nước tập trung của Công ty THHH một thành viên dịch vụ thủy lợi cấp nước Bình Phước, lắp đặt tại 03/09 thôn; đối với các thôn còn lại, các hộ dân thường xuyên sử dụng nước đóng bình, nước tinh khiết vẫn đảm bảo nhu cầu sinh hoạt nước sạch của người dân với 2.310/3.298 hộ; đạt 70%.

+ Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Đa số các hộ sử dụng nước giếng khoan và giếng đào trên địa bàn chiếm tỷ lệ cao hơn; nhà máy nước trên địa bàn xã với công suất thiết kế cấp nước 282 lít/người/ngày đêm.

+ Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã do Công ty THHH một thành viên dịch vụ thủy lợi cấp nước Bình Phước đầu tư và có hoạt động bền vững.

+ Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm tập huấn về an toàn thực phẩm: Trên địa bàn có 1.993/1.993 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

+ Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Năm 2023, trên địa bàn xã không xảy ra sự cố về ATVSTP.

+ Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 15/15 cơ sở đạt 100%.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Các hộ gia đình trên địa bàn có nhà tắm và thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch với 3.298/3.298 hộ; đạt 100%.

+ Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn xã hiện nay không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban CHQS xã và lực lượng dân quân: Đạt.

+ Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình Camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh.

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Triển khai thực hiện các nội dung theo Công văn số 788/BCH-TM ngày 18/4/2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

Trong năm 2023, Công an xã đã tham mưu cho ĐU - UBND xã tiếp tục thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn, bên cạnh đó Công an xã đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp giữa Công an với các đội nghiệp vụ Công an huyện, Ban CHQS xã, các ban ngành đoàn thể, các trường học và các đơn vị biên phòng đứng chân trên địa bàn về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa phương. Cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy xã về thực hiện công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong năm 2023 phân đấu xã Thiện Hưng đạt tiêu chí số 19.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu 19.1**

+ Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương:

- Hằng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) xã căn cứ nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (Ban CHQS xã).

- Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quân sự quốc phòng, địa phương; tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ (DQTV); Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã:

Có đủ 4 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần:

- Chỉ huy trưởng (CHT) là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị.

- Phó Chỉ huy trưởng (Phó CHT) là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Chính trị viên (CTV) do Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm.

- Chính trị viên phó (CTVP) do Bí thư đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM) cấp xã đảm nhiệm.

- Số lượng cán bộ Phó Chỉ huy trưởng: 02đ/c (01 đồng chí đang học cao đẳng) (theo Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành kèm theo đề án Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021 - 2025).

- Trình độ chuyên môn của CHT, phó CHT: Có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở, cụ thể năm 2023 đạt 100%, (trình độ trung cấp 01, cao đẳng 01, đại học 01).

- Hằng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc Phòng.

- Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng, có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật (quy định tại phụ lục I kèm theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày

30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với DQTV).

+ Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh:

Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 và các đối tượng khác, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh THCS, Tiểu học theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:

- Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương theo Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo Thông tư 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

- Chi bộ quân sự cấp xã có cấp ủy, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

- Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng viên trong lực lượng dân quân xã bảo đảm đạt 24% trở lên theo Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự tỉnh và Đảng ủy Quân sự Quân khu; Thôn đội trưởng, Tiểu đội trưởng DQTT, Trung đội trưởng DQCD là Đảng viên.

- Hằng năm, giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đúng, đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định huấn luyện của Bộ CHQS tỉnh và Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

- Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

- Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia nông cốt trong đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (01 trung đội DQCD) bảo đảm an toàn.

- Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng và quản lý lực lượng Dự bị động viên:

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

+ Thực hiện công tác tuyên quân, tuyên sinh:

- Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật. Năm 2023: 20/20TN đạt 100%.

- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng và Ban Tuyển sinh quân sự tỉnh, huyện.

+ Thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng Dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng địa phương.

+ Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng:

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/7/2012 của UBND tỉnh về thực hiện quy chế phối hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ theo Quyết định 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng:

- Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tham gia trang Facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vương, Yêu người chiến sỹ DQTV Việt Nam” và “tự hòa DQTV miền Đông”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

Tình hình tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu 19.2

Chỉ tiêu 1:

** Yêu cầu của chỉ tiêu:*

- Hằng năm duy trì đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về “Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng).

** Công tác triển khai:*

Hàng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo có tổ chức thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

Công an xã đã tham mưu Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 03/01/2023 về nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng năm 2023; tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã các văn bản chỉ đạo trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Xã được công nhân đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” theo Quy định tại Thông tư 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021:

- Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022 của UBND huyện Bù Đốp, năm 2022, xã Thiện Hưng được UBND huyện Bù Đốp xét công nhận là xã an toàn về an ninh, trật tự.

** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:*

- Các năm 2021, 2022 đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về “Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Trong năm 2023, xã Thiện Hưng, không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (xảy ra 01 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy, tại thôn 5, xã Thiện Hưng người phạm tội không phải công dân cư trú ở địa phương. 01 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy tại thôn 2, xã Thiện Hưng báo cáo kịp thời phát hiện và phối hợp Công an huyện tổ chức triệt phá).

Xã Thiện Hưng đạt chỉ tiêu 1.

Chỉ tiêu 2:

** Yêu cầu của chỉ tiêu:*

Hàng năm thường xuyên, kịp thời củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban tổ chức thực hiện phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (Ban tổ chức thực hiện có chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể; thực hiện nghiêm chế độ hội họp, giao ban, báo cáo; phân công nhiệm vụ, nâng cao năng lực, phát huy vai trò, trách nhiệm của các thành viên); Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện thường xuyên, đạt kết quả tốt; Hàng năm tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đảm bảo theo hướng dẫn của UBND huyện.

** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:*

Công an xã đã kịp thời củng cố về tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban tổ chức thực hiện phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (*Quyết định 170/QĐ/UBND, ngày 10/10/2021 v/v kiện toàn Ban tổ chức thực hiện PCTP, TNXH và XDPTTD BVANTQ xã, thực hiện nghiêm chế độ hội họp, giao ban, báo cáo; phân công nhiệm vụ, nâng cao năng lực, phát huy vai trò, trách nhiệm của các thành viên*); Công an xã đã xây dựng Kế hoạch số 16/KH-CAX, ngày 01/3/2023 v/v tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện thường xuyên, đạt hiệu quả; Trong kỳ, UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 45/KH-UBND, ngày 27/7/2023 v/v tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đảm bảo theo hướng dẫn của UBND huyện.

Xã Thiện Hưng đạt Chỉ tiêu 2.

Chỉ tiêu 3:

*** Yêu cầu của chỉ tiêu:**

Có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả, đảm bảo an ninh, trật tự, được Chủ tịch UBND xã ký quyết định thành lập; có quy chế hoạt động cụ thể; Có mô hình sử dụng camera hoạt động thường xuyên, có hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn.

*** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Trong năm 2023, xây dựng 01 mô hình PCTP “Hội Cựu chiến binh tự quản về ANTT” tại Thôn 10, xã Thiện Hưng (*Quyết định số 53/QĐ-UBND, ngày 23/6/2023 v/v thành lập Mô hình “Hội Cựu chiến binh tự quản về ANTT”*) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, đảm bảo an ninh, trật tự, được Chủ tịch UBND xã ký quyết định thành lập; có quy chế hoạt động cụ thể;

Có 01 mô hình sử dụng camera (*Quyết định số 57/QĐ-UBND, ngày 26/6/2023 của UBND xã v/v thành lập mô hình Camera an ninh trên địa bàn xã*) hoạt động thường xuyên, có hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn.

Kết quả: xã Thiện Hưng đạt Chỉ tiêu 3.

Kết luận: Xã Thiện Hưng đạt 03/03 chỉ tiêu xây dựng Nông thôn mới nâng cao năm 2023.

*** Kinh phí thực hiện:** 1.901 triệu đồng.

c) Đánh giá mức độ tiêu chí: Đạt.

2.20. Tiêu chí số 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

a) Yêu cầu của tiêu chí: Có ít nhất 01 (một) khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (cấp thôn, ấp) phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa, xã hội đặc thù của từng địa phương và nhu cầu của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã được UBND cấp huyện công nhận (có quyết định riêng).

b) Kết quả thực hiện:

- Công tác triển khai: Hằng năm UBND xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Kết quả thực hiện: UBND xã Thiện Hưng đã được UBND huyện Bù Đốp xét công nhận 2 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn 5 năm 2022 và thôn 6 năm 2020.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thiện Hưng không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với các công trình đầu tư về đích năm 2023 thực hiện nguồn vốn theo Luật đầu tư công, bố trí nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2023 - 2025.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Hàng năm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện giữ vững, nâng chất các chỉ tiêu, tiêu chí. Trong đó trọng tâm là áp dụng các tiến bộ của KHKT vào sản xuất; triển khai thực hiện các phong trào cách mạng nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng chính quyền từ huyện tới xã, áp trọng việc thực hiện Chương trình nông thôn mới, chú trọng khơi dậy và phát huy tinh thần chủ động, tự giác của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đủ hồ sơ theo quy định tại điều 6 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Thiện Hưng đã được UBND huyện Bù Đốp thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Đảm bảo điều kiện xã đạt chuẩn NTM: “Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới” theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Bình Phước thẩm định, xét, công nhận xã Thiện Hưng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Trên đây là báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Thiện Hưng năm 2023 của UBND huyện Bù Đốp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BCĐ, VPĐP tỉnh;
- UBMTTQVN huyện;
- Các tổ chức CT-XH;
- TV BCĐ huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. UBND HUYỆN BÙ ĐÓP
CHỦ TỊCH

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023
đối với xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Thiện Hưng)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Cơ bản đạt	Cơ bản đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Cơ bản đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Cơ bản đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	-100% đường xã được bảo trì hàng năm, có hệ thống an toàn giao thông phù hợp và đúng quy định. - Có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực đông dân cư.	58,75/58,75km; đạt 100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, ấp và đường liên thôn, ấp	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp	100% - Có hệ thống an toàn giao thông phù hợp và đúng quy định. - Có hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực đông dân cư.	28,57/28,57 km; 100%

		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp	≥95%	40,632/40,632 km; 100%	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100%	9/9km; 100%	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai tại	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Tưới chủ động: 943,7/1.023,7ha; 92%. Tiêu chủ động: 4.842,55/4.997,55 ha; 98,4%	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Không có tổ chức thủy lợi	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥35%	315/619,3ha; 50,8%	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	không có CT thủy lợi	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đạt	Đạt
		4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Mức độ 1:5/5 Trường; Mức độ 2: 01 trường	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Tiểu học: Đạt, THCS: Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt	Đạt

		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥95%	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (trường hợp xã không có chợ nông thôn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao, việc xét công nhận xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	95%	3.183/3.298 nhà; đạt 96,5%	Đạt

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người</i>)	Năm 2023	≥ 80	80,03 triệu đồng/người	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		$< 0,3\%$	9/3.298 hộ; chiếm 0,27%	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 85\%$	5.120/6.004 đạt 85,23% (Nam 2.653/3.102; 85,5% và Nữ 2.467/2.902; 85%)	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 35\%$	2.122/6.004 đạt 35,34% (Nam 1.090/3.102; 35,1%. Nữ 1.032/2.902; 35,6%)	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		Đạt	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định		Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận		Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		≥ 1	2 Mô Hình	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã		Đạt	Mức độ 1: 5 sản phẩm; Mức độ 2: 01 sản phẩm	Đạt

triển kinh tế nông thôn	13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	10%	15%	Đạt	
	13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Đạt	Đạt	
	13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	
	13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Đạt	Đạt	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	11.291/11.883 đạt 95%; Nam 5.759/6050, 95,2%; Nữ 5.542/5.833, 95%	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	11.305/11.883 đạt 95,1% (nam 5.780/6.050, đạt 95,5%; nữ 5.533/5.833, đạt 94,8%)	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	Áp dụng theo KH	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Năm 2022-2024 ≥ 90%	Áp dụng theo KH	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	2	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	09/10 vụ; 90%	Đạt

	pháp luật	16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Không nhận được yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân.	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	25/25 Cơ sở; 100%	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥98%	3.267/3.298; 99%	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%	2.006/3.298 hộ, đạt 60,82%	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	2.244/3.298 hộ; đạt 68,04%	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Cơ bản đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	85,62%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥95%	435/448; 97%	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥10%	4/38 người; 10,5%	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	5,4m ² /người	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥90%	225/249kg; đạt 90,4%	Cơ bản đạt

18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥65%	2.310/3.298 Hộ; đạt 70%	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày /đêm	≥80 lít	282 Lit; Đạt	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	1/1 CT; 100%	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	1.993/1.993 hộ; 100%	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	Cao hơn 1,5 lần so với bình quân của huyện, thị xã, thành phố	15/15 Cơ sở; 100%	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	3.298/3.298 hộ; 100 %	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt

20	Khu dân cư NTM kiểu mẫu	Có ít nhất 01 (một) khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (cấp thôn, ấp) phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa, xã hội đặc thù của từng địa phương và nhu cầu của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã được UBND cấp huyện công nhận (có quyết định riêng)	Đạt	Đạt	Đạt
20 Tiêu chí với 76 chỉ tiêu					